HIỆP ĐỊNH
GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA
VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ SONG PHƯƠNG

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Tây Ban Nha, sau đây gọi là "các Bên ký kết";

Với mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế cùng có lợi giữa hai nước;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư của nhà đầu tư một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia;

Nhận thấy rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư theo Hiệp định này sẽ thúc đẩy các sáng kiến trong lĩnh vực này;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
CÁC ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này:

1. "Đầu tư" nghĩa là mọi tài sản do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và các quy định của Bên ký kết đó, cụ thể bao gồm, nhưng không chỉ là:

a) động sản, bất động sản và bất kỳ quyền sở hữu tài sản nào khác như quyền thế chấp, thế nợ, cầm cố và các quyền tương tự khác;

b) cổ phiếu, cổ phần và trái phiếu của một công ty hoặc bất kỳ hình thức tham gia nào khác trong một công ty hoặc đơn vị kinh doanh;

c) quyền đòi tiền hay quyền đối với bất kỳ hoạt động nào theo hợp đồng có giá trị kinh tế và liên quan đến đầu tư;

d) các quyền sở hữu trí tuệ và công nghiệp; các quy trình kỹ thuật, bí quyết và uy tín kinh doanh;

e) quyền thực hiện các hoạt động kinh tế và thương mại theo pháp luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm tô nhượng để tìm kiếm, nuôi trồng, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Đầu tư thực hiện trên lãnh thổ của một Bên ký kết bởi bất kỳ công ty nào của Bên ký kết đó nhưng do nhà đầu tư của Bên ký kết kia thật sự sở hữu hoặc kiểm soát phải được coi là đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia nếu đầu tư đó được thực hiện phù hợp với pháp luật và các quy định của Bên ký kết được đề cập trước tiên tại khoản này.

Bất kỳ sự thay đổi nào về hình thức của tài sản đã đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng tới tính chất của đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" nghĩa là bất kỳ công dân hoặc công ty của mỗi Bên ký kết và thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia:

a) thuật ngữ "công dân" nghĩa là tự nhiên nhân là công dân của một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của nước mình;

b) thuật ngữ "công ty" nghĩa là pháp nhân hoặc bất kỳ thực thể pháp lý nào được thành lập hay tổ chức theo pháp luật hiện hành của một Bên ký kết và có trụ sở trên lãnh thổ của Bên ký kết đó như công ty, hợp danh hoặc hiệp hội kinh doanh.

3. Thuật ngữ "thu nhập" nghĩa là khoản tiền thu được từ đầu tư và bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn, lợi nhuận, lãi cổ phần, lãi tiền cho vay, khoản thu nhập từ vốn, tiền bản quyền và phí.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" nghĩa là vùng đất, vùng nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời trên đó của một Bên ký kết, cũng như vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nằm ngoài lãnh hải của một Bên ký kết mà tại đó Bên ký kết này có quyền tài phán và/hoặc các quyền chủ quyền phù hợp với luật pháp quốc tế.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

ĐIỀU 2
KHUYẾN KHÍCH VÀ TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết sẽ, trong chừng mực có thể, khuyến khích nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ của mình. Mỗi Bên ký kết sẽ tiếp nhận đầu tư đó phù hợp với pháp luật và các quy định của mình.

2. Khi đã tiếp nhận đầu tư trên lãnh thổ của mình, mỗi Bên ký kết sẽ, phù hợp với pháp luật và các quy định của mình, cấp giấy phép cần thiết liên quan đến đầu tư đó và để thực hiện các thoả thuận cho phép và các hợp đồng về hỗ trợ kỹ thuật, thương mại, và hành chính.

ĐIỀU 3
BẢO HỘ

1. Đầu tư của các nhà đầu tư thuộc mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia được đối xử công bằng, thoả đáng và được bảo hộ đầy đủ, an toàn phù hợp với pháp luật quốc tế.

2. Không một Bên ký kết nào được áp dụng các biện pháp bất hợp lý và phân biệt đối xử để gây phương hại đối với việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc định đoạt đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia. Mỗi Bên ký kết sẽ tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào mà Bên ký kết đó đã cam kết bằng văn bản đối với các đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

ĐIỀU 4
ĐỐI XỬ QUỐC GIA VÀ ĐỐI XỬ TỐI HUỆ QUỐC

1. Mỗi Bên ký kết, trên lãnh thổ của mình, sẽ dành cho đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư thuộc bất kỳ Quốc gia thứ ba nào.

2. Mỗi Bên ký kết, trên lãnh thổ của mình, sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào trong việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư của họ.

3. Mỗi Bên ký kết, tùy thuộc vào pháp luật và các quy định của mình, sẽ dành cho đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia sự đối xử như nhà đầu tư nước mình.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

4. Sự đối xử quy định tại khoản 1, 2 và 3 của Điều này không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào xuất phát từ:

a) quy chế thành viên của một Bên ký kết, hoặc sự tham gia vào, bất kỳ khu vực thương mại tự do nào trong hiện tại hoặc tương lai, liên minh thuế quan, kinh tế, hoặc tiền tệ hoặc các hiệp định quốc tế tương tự bao gồm cả các hình thức khác nhau của tổ chức kinh tế khu vực, hoặc

b) bất kỳ hiệp định hay thoả thuận quốc tế hoặc pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hay chủ yếu đến thuế.

4. Để chắc chắn hơn, các Bên ký kết cho rằng các quy định của Điều này sẽ không ảnh hưởng đến quyền của mỗi Bên ký kết trong việc áp dụng một chế độ thuế khác nhau đối với những đối tượng nộp thuế khác nhau tuỳ thuộc vào nơi cư trú của họ.

ĐIỀU 5
TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU

1. Đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia không bị quốc hữu hoá, tước quyền sở hữu hoặc bị áp dụng các biện pháp có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá hoặc tước quyền sở hữu (sau đây gọi tắt là "tước quyền sở hữu") trừ khi vì lợi ích công cộng, theo đúng thủ tục pháp luật, trên cơ sở không phân biệt đối xử và phải bồi thường nhanh chóng, thoả đáng và có hiệu quả.

2. Việc bồi thường đó phải tương xứng giá trị thị trường của đầu tư bị tước quyền sở hữu ngay trước khi bị tước quyền sở hữu hoặc trước khi nguy cơ bị tước quyền sở hữu trở nên công khai, tùy trường hợp nào xảy ra trước (sau đây gọi là "ngày định giá").

3. Giá trị thị trường đó sẽ được tính bằng đồng tiền tự do chuyển đổi với tỉ giá thị trường thịnh hành của đồng tiền đó vào ngày định giá. Khoản bồi thường bao gồm cả lãi tính theo lãi suất thương mại theo thị trường của đồng tiền dùng để thanh toán từ ngày tước quyền sở hữu cho tới ngày thanh toán. Khoản bồi thường được thanh toán không chậm trễ, có hiệu quả và được tự do chuyển ra nước ngoài.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

4. Nhà đầu tư bị ảnh hưởng có quyền, theo pháp luật của Bên ký kết đã thực hiện việc tước quyền sở hữu, yêu cầu một cơ quan tài phán hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của Bên đó nhanh chóng xem xét lại trường hợp của mình bao gồm việc xác định giá trị đầu tư của mình phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều này.

5. Trường hợp một Bên ký kết tước quyền sở hữu tài sản của một công ty được thành lập hay thiết lập theo pháp luật có hiệu lực ở bất cứ vùng nào thuộc lãnh thổ của mình mà trong đó nhà đầu tư của Bên ký kết kia sở hữu cổ phần, thì Bên ký kết tiến hành tước quyền sở hữu phải đảm bảo rằng các qui định của Điều này được áp dụng để bảo đảm cho việc đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả đối với đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia là chủ sở hữu của các cổ phần đó.

ĐIỀU 6
BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

1. Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp quốc gia, cách mạng, bạo loạn, nổi dậy hoặc bất kỳ sự kiện tương tự nào khác sẽ được Bên ký kết kia dành sự đối xử về việc hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc các biện pháp khác không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư nước mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào tùy thuộc sự đối xử nào thuận lợi hơn cho nhà đầu tư có liên quan. Khoản thanh toán sẽ được tự do chuyển ra nước ngoài.

2. Cho dù có quy định tại khoản 1, nhà đầu tư của một Bên ký kết, trong bất cứ trường hợp nào nêu tại khoản 1, bị tổn thất trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do:

a) việc trưng dụng một phần hoặc toàn bộ đầu tư bởi lực lượng vũ trang hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia; hoặc

b) sự phá huỷ một phần hoặc toàn bộ đầu tư bởi lực lượng vũ trang hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia mà sự cấp thiết của tình thế không đặt ra,

sẽ được Bên ký kết đó dành sự đối xử về việc hoàn trả, bồi thường một cách nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả. Việc thanh toán sẽ được thực hiện không chậm trễ và tự do chuyển đổi.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

ĐIỀU 7
CHUYỂN CÁC KHOẢN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI

1. Mỗi Bên ký kết phải bảo đảm để nhà đầu tư của Bên ký kết kia được tự do chuyển các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư của mình. Các khoản đó bao gồm, nhưng không chỉ là:

a) các khoản vốn ban đầu và vốn bổ sung để duy trì và mở rộng đầu tư;

b) lợi nhuận từ đầu tư, như được định nghĩa trong Điều 1;

c) các khoản trả tiền vay liên quan tới đầu tư;

d) các khoản bồi thường quy định tại Điều 5 và Điều 6;

e) số tiền thu được từ việc bán, thanh lý toàn bộ hay một phần đầu tư;

f) số tiền thu được và thù lao khác của nhân viên tham gia hoạt động đầu tư;

g) khoản thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp.

2. Việc chuyển các khoản thanh toán theo Hiệp định này được thực hiện không chậm trễ bằng đồng tiền có thể chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái áp dụng vào ngày chuyển.

ĐIỀU 8
ÁP DỤNG CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Nếu pháp luật của một Bên ký kết hoặc các nghĩa vụ theo pháp luật quốc tế vào thời điểm hiện tại hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết bổ sung cho Hiệp định này có quy định, dù là quy định chung hay cụ thể, cho phép đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia được hưởng sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử theo quy định của Hiệp định này thì những quy định đó được áp dụng nếu chúng thuận lợi hơn quy định của Hiệp định này.

2. Các điều khoản thuận lợi hơn các điều khoản của Hiệp định này đã được một Bên ký kết thoả thuận với nhà đầu tư của Bên ký kết kia không bị ảnh hưởng bởi Hiệp định này.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

3. Không một quy định nào trong Hiệp định này ảnh hưởng đến các điều khoản của các hiệp định quốc tế về các quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp có hiệu lực vào thời điểm Hiệp định này được ký kết.

ĐIỀU 9
THẾ QUYỀN

Nếu một Bên ký kết hoặc Cơ quan do Bên ký kết đó chỉ định thực hiện thanh toán một khoản đền bù, bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo hiểm về rủi ro phi thương mại liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết đó trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết thứ hai phải công nhận việc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc yêu cầu nào của nhà đầu tư của Bên ký kết thứ nhất hoặc Cơ quan do Bên ký kết đó chỉ định để thực hiện các quyền và các yêu cầu có được từ việc thế quyền trong chừng mực giống như bên được đền bù. Việc thế quyền sẽ cho phép Bên ký kết thứ nhất hoặc Cơ quan do Bên ký kết đó chỉ định được hưởng bất kỳ khoản thanh toán nào cho việc đền bù hoặc cho thiệt hại khác mà nhà đầu tư đó được quyền hưởng.

ĐIỀU 10
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên ký kết về giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể, sẽ được giải quyết thông qua đường ngoại giao.

2. Trường hợp tranh chấp giữa các Bên ký kết không thể giải quyết được như vậy trong vòng 06 tháng kể từ ngày bắt đầu đàm phán, thì tranh chấp đó phải được đưa ra một hội đồng trọng tài theo yêu cầu của một trong hai Bên ký kết.

3. Hội đồng trọng tài được thiết lập theo cách thức sau đây: mỗi Bên ký kết phải chỉ định một trọng tài viên và hai trọng tài viên này sau đó sẽ chọn một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch. Các trọng tài viên phải được chỉ định trong vòng ba tháng và Chủ tịch được chỉ định trong vòng năm tháng kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia về ý định đưa tranh chấp ra hội đồng trọng tài.

4. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà các chỉ định cần thiết không được thực hiện và trong trường hợp không có thoả thuận khác, thì một trong hai Bên ký kết có thể mời Chủ tịch Toà án công lý quốc tế thực hiện

những chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc bị ngăn cản thực hiện việc chỉ định nói trên, thì Phó chủ tịch Toà án này sẽ được mời để thực hiện những chỉ định cần thiết đó. Nếu Phó chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc cũng bị ngăn cản thực hiện việc chỉ định nói trên, thì Thành viên của Toà án công lý quốc tế có cấp cao tiếp theo mà không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết sẽ được mời để thực hiện những chỉ định đó.

5. Hội đồng trọng tài sẽ ra quyết định trên cơ sở các điều khoản của Hiệp định này cũng như những nguyên tắc được chấp nhận rộng rãi của pháp luật quốc tế.

6. Trừ khi các Bên ký kết có quyết định khác, hội đồng trọng tài sẽ quyết định thủ tục riêng của mình.

7. Hội đồng trọng tài sẽ ra quyết định theo biểu quyết đa số và quyết định đó sẽ là chung thẩm và ràng buộc cả hai Bên ký kết.

8. Từng Bên ký kết phải chịu chi phí cho trọng tài viên và đại diện của mình trong quá trình tố tụng trọng tài. Các chi phí khác, bao gồm chi phí của Chủ tịch sẽ được chia thành các phần bằng nhau cho các Bên ký kết.

ĐIỀU 11

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

1. Các tranh chấp giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia về nghĩa vụ của Bên ký kết kia theo Hiệp định này liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư thuộc bên thứ nhất phải được nhà đầu tư đó thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết thứ hai. Trong chừng mực có thể, các bên liên quan phải nỗ lực để hòa giải các tranh chấp này thông qua đàm phán.

2. Nếu các tranh chấp này không thể hòa giải trong vòng sáu tháng kể từ ngày có thông báo bằng văn bản nêu tại khoản 1 thì nhà đầu tư được quyền, theo sự lựa chọn của mình, đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại:

- toà án có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện; hoặc

- một hội đồng trọng tài ad hoc được thành lập theo các Quy tắc trọng tài của Uỷ ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế (UNCITRAL); hoặc

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

- Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) được thành lập trên cơ sở "Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các nhà nước và các công dân của các nhà nước khác", được để ngỏ để ký kết tại Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965, trong trường hợp cả hai Bên ký kết là thành viên của Công ước này. Nếu một Bên ký kết là một bên trong tranh chấp chưa phải là một Bên ký kết của Công ước này, tranh chấp sẽ được giải quyết theo các quy định của Cơ chế Phụ trợ cho việc Điều phối hoà giải, trọng tài và tìm hiểu sự thật của ICSID.

3. Trọng tài phải căn cứ vào các quy định của Hiệp định này, luật pháp trong nước của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện, bao gồm các quy tắc về xung đột pháp luật, và các quy tắc của luật pháp quốc tế được chấp nhận rộng rãi nếu có thể áp dụng.

4. Mỗi Bên ký kết không được biện hộ bằng quyền miễn tố rằng nhà đầu tư đã nhận hoặc sẽ nhận tiền bồi thường hoặc bồi thường khác theo hợp đồng bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo hiểm toàn bộ hay một phần tổn thất.

5. Các quyết định trọng tài là chung thẩm và bắt buộc đối với các bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết cam kết thi hành các quyết định này phù hợp với pháp luật của nước mình.

ĐIỀU 12

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng đối với tất cả đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia vào trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 13

HIỆU LỰC THI HÀNH, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

1. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày các Bên ký kết thông báo cho nhau về việc đã hoàn tất các thủ tục pháp lý trong nước để hiệp định quốc tế có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn mười năm. Sau khi kết thúc thời hạn mười năm ban đầu, Hiệp định sẽ tiếp tục còn hiệu lực vô thời hạn, trừ khi một trong hai Bên ký kết gửi thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

việc chấm dứt hiệu lực Hiệp định này. Sau một năm kể từ ngày thông báo, thông báo chấm dứt hiệu lực của Hiệp định sẽ có hiệu lực.

3. Đối với các đầu tư thực hiện trước ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này, các quy định từ Điều 1 đến Điều 12 sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn 10 năm nữa kể từ ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này.

ĐỂ LÀM BẰNG, các đại diện toàn quyền của các Bên ký kết đã ký Hiệp định này.

Làm thành hai bản tại Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2006, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh; các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau giữa các văn bản thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA
Võ Hồng Phúc **Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	**Pedro Mejia Gomez** **Quốc Vụ khanh về Du lịch và Thương mại**

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

ACUERDO
ENTRE
LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIETNAM
Y
EL REINO DE ESPAÑA
PARA LA PROMOCIÓN Y PROTECCIÓN RECÍPROCA DE INVERSIONES

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

El Gobierno de la República Socialista de Vietnam y el Gobierno del Reino de España, en adelante denominados "las Partes Contratantes",

Deseando intensificar la cooperación económica en beneficio mutuo de ambos Estados,

Proponiéndose crear condiciones favorables para las inversiones realizadas por inversores de cada Parte Contratante en el territorio de la otra Parte Contratante,

y

Reconociendo que la promoción y protección de las inversiones con arreglo al presente Acuerdo estimularán las iniciativas en este campo,

Han convenido en lo siguiente:

ARTÍCULO 1
DEFINICIONES

A los efectos del presente Acuerdo:

1. Por "inversión" se entenderá todo tipo de activos invertidos por inversores de una Parte Contratante en el territorio de la otra Parte Contratante de conformidad con las leyes y reglamentos de esta segunda Parte Contratante, incluidos en particular, aunque no exclusivamente, los siguientes:

a) la propiedad de bienes muebles e inmuebles, así como otros derechos reales, tales como hipotecas, gravámenes, prendas y derechos similares;

b) las participaciones, acciones y obligaciones de una sociedad o

cualquier otra forma de participación en una sociedad o empresa mercantil;

c) el derecho a aportaciones monetarias o a cualquier otro tipo de prestación en virtud de un contrato que tenga un valor económico y que esté relacionada con una inversión;

d) derechos de propiedad intelectual e industrial, procesos técnicos, conocimientos técnicos (*know-how*) y fondo de comercio;

e) derechos a realizar actividades económicas y comerciales otorgados por la ley o en virtud de un contrato, incluidas las concesiones para la prospección, cultivo, extracción o explotación de recursos naturales.

Las inversiones realizadas en el territorio de una Parte Contratante por cualquier sociedad de esa misma Parte Contratante que sea propiedad o esté controlada efectivamente por inversores de la otra Parte Contratante se considerarán también inversiones realizadas por inversores de la segunda Parte Contratante siempre que se hayan efectuado de conformidad con las leyes y reglamentos de la primera Parte Contratante.

Ningún cambio en la forma en que se inviertan o reinviertan los activos afectará a su carácter de inversión.

2. Por "inversor" se entenderá cualquier nacional o cualquier sociedad de una de las dos Partes Contratantes que realice inversiones en el territorio de la otra Parte Contratante:

a) por "nacional" se entenderá toda persona física a la que, de conformidad con la legislación de esa Parte Contratante, se considere nacional de la misma.

b) por "sociedad" se entenderá toda persona jurídica o cualquier entidad legal constituida o debidamente organizada de otra forma de conformidad con la legislación aplicable de esa Parte Contratante y que tenga su domicilio social en el territorio de esa misma Parte Contratante, como son las sociedades anónimas, las sociedades colectivas o las asociaciones mercantiles.

3. Por "rentas" se entenderán los importes producidos por una inversión y comprenderán en particular, aunque no exclusivamente, los beneficios, dividendos, intereses, plusvalías, cánones y honorarios.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

4. Por "territorio" se entenderá el territorio terrestre, las aguas interiores, el mar territorial y el espacio aéreo suprayacente, así como la zona económica exclusiva y la plataforma continental que se extienden fuera de los límites del mar territorial de cada una de las Partes Contratantes sobre las cuales tengan o puedan tener jurisdicción y/o derechos soberanos según el derecho internacional;

ARTÍCULO 2
PROMOCIÓN Y ADMISIÓN DE INVERSIONES

1. Cada Parte Contratante promoverá en su territorio, en la medida de lo posible, las inversiones de inversores de la otra Parte Contratante. Cada Parte Contratante admitirá dichas inversiones de conformidad con sus leyes y reglamentos.

2. Cuando una Parte Contratante haya admitido en su territorio una inversión, concederá, de conformidad con sus leyes y reglamentos, los permisos necesarios en relación con dicha inversión y con la ejecución de acuerdos de licencia y de contratos de asistencia técnica, comercial o administrativa.

ARTÍCULO 3
PROTECCIÓN

1. Las inversiones realizadas por inversores de una Parte Contratante en el territorio de la otra Parte Contratante obtendrán un tratamiento justo y equitativo y disfrutarán de plena protección y seguridad de conformidad con el derecho internacional.

2. Ninguna de las Partes Contratantes obstaculizará en modo alguno, mediante medidas injustificadas o discriminatorias, la gestión, mantenimiento, utilización, disfrute o enajenación de dichas inversiones. Cada Parte Contratante respetará toda obligación que haya contraído por escrito con respecto a las inversiones de inversores de la otra Parte Contratante.

ARTÍCULO 4
TRATAMIENTO NACIONAL Y DE NACIÓN MÁS FAVORECIDA

1. Cada Parte Contratante concederá en su territorio a las inversiones realizadas por inversores de la otra Parte Contratante un tratamiento no menos favorable que el otorgado a las inversiones realizadas por inversores de cualquier tercer Estado.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Cada Parte Contratante concederá en su territorio a los inversores de la otra Parte Contratante, por lo que respecta a la gestión, mantenimiento, utilización, disfrute o enajenación de sus inversiones, un tratamiento no menos favorable que el otorgado a inversores de cualquier tercer Estado.

3. Cada Parte Contratante concederá en su territorio, de conformidad con sus leyes y reglamentos aplicables, a las inversiones de inversores de la otra Parte Contratante un tratamiento equivalente al que concede a las inversiones de sus propios inversores.

4. El tratamiento concedido en virtud de los apartados 1, 2 y 3 del presente artículo no se interpretará en el sentido de que se obligue a una Parte Contratante a hacer extensivo a los inversores de la otra Parte Contratante y a sus inversiones el beneficio de cualquier tratamiento, preferencia o privilegio resultante de:

a) su pertenencia o asociación a cualquier zona de libre comercio, unión aduanera, económica o monetaria u otros acuerdos internacionales semejantes, incluidas otras formas de organización económica regional futuros o ya existentes, o

b) cualquier acuerdo o arreglo internacional que se refiera total o principalmente a impuestos o cualquier legislación interna que se refiera total o principalmente a impuestos.

5. En aras de una mayor seguridad, las Partes Contratantes consideran que las disposiciones del presente artículo serán sin perjuicio del derecho de cualquiera de las Partes Contratantes a aplicar un tratamiento diferente en materia de impuestos a los diferentes contribuyentes respecto de su lugar de residencia fiscal.

ARTÍCULO 5
EXPROPIACIÓN

1. Las inversiones de inversores de cualquiera de las Partes Contratantes en el territorio de la otra Parte Contratante no serán nacionalizadas, expropiadas ni sometidas a medidas de efecto equivalente a la nacionalización o expropiación (en adelante denominadas "expropiación") salvo por causa de utilidad pública, con arreglo al debido procedimiento legal, de manera no discriminatoria y mediante el pago de una indemnización pronta, adecuada y efectiva.

2. Dicha indemnización corresponderá al valor de mercado de la

inversión expropiada inmediatamente antes de llegar a conocimiento público la expropiación o, en su caso, la inminencia de la misma, según lo que ocurra antes (en lo sucesivo denominada "fecha de tasación").

3. Dicho valor de mercado se expresará en una moneda libremente convertible al tipo de cambio de mercado vigente para esa moneda en la fecha de tasación. La indemnización incluirá intereses a un tipo comercial establecido con arreglo a criterios de mercado para la moneda de tasación desde la fecha de la expropiación hasta la fecha del pago. La indemnización se pagará sin demora, será efectivamente realizable y libremente transferible.

4. El inversor afectado tendrá derecho, con arreglo a la legislación de la Parte Contratante que realice la expropiación, a que una autoridad judicial u otra autoridad competente e independiente de esa Parte Contratante revise con prontitud su caso, incluidos la tasación de su inversión y el pago de la indemnización, de conformidad con los principios establecidos en el presente artículo.

5. Cuando una Parte Contratante expropie los activos de una sociedad constituida de conformidad con la legislación vigente en cualquier parte de su propio territorio y en la que tengan participación inversores de la otra Parte Contratante, se asegurará de que se apliquen las disposiciones del presente artículo con el fin de garantizar una indemnización pronta, adecuada y efectiva respecto de su inversión a los inversores de la otra Parte Contratante que sean titulares de dichas participaciones.

ARTÍCULO 6
COMPENSACIÓN POR PÉRDIDAS

1. A los inversores de una Parte Contratante cuyas inversiones en el territorio de la otra Parte Contratante sufran pérdidas debidas a guerra u otro conflicto armado, estado de emergencia nacional, revolución, insurrección, disturbios civiles u otros acontecimientos similares, esta última Parte Contratante les concederá, a título de restitución, indemnización, compensación u otro arreglo, un tratamiento no menos favorable que el que esa Parte Contratante conceda a sus propios inversores o a inversores de cualquier tercer Estado, según el que resulte más favorable para el inversor afectado. Los pagos que se deriven de ello serán libremente transferibles.

2. No obstante lo dispuesto en el apartado 1, a los inversores de una Parte Contratante que, en cualquiera de las situaciones mencionadas en dicho apartado, sufran pérdidas en el territorio de la otra Parte Contratante como consecuencia de:

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

a) la requisa de su inversión o de parte de la misma por las fuerzas o autoridades de esta última; o

b) la destrucción de su inversión o de parte de la misma por las fuerzas o autoridades de esta última, sin que lo exigiera la necesidad de la situación,

esta última Parte Contratante les concederá una restitución o indemnización que, en cualquier caso, será pronta, adecuada y efectiva. Los pagos que se deriven de ello se realizarán sin demora y serán libremente transferibles.

ARTÍCULO 7
TRANSFERENCIAS

1. Cada Parte Contratante garantizará a los inversores de la otra Parte Contratante la libre transferencia de todos los pagos relacionados con sus inversiones. Dichas transferencias incluirán en particular, aunque no exclusivamente:

a) el capital inicial y otros importes adicionales para mantener o ampliar la inversión;

b) las rentas de la inversión, con arreglo a la definición del artículo 1;

c) los fondos en concepto de reembolso de préstamos relacionados con una inversión;

d) las indemnizaciones previstas en los artículos 5 y 6;

e) el producto de la venta o liquidación, total o parcial, de una inversión;

f) los ingresos y demás remuneraciones del personal contratado en el extranjero en relación con una inversión;

g) los pagos derivados de la solución de controversias.

2. Las transferencias a que se refiere el presente Acuerdo se realizarán sin demora, en una moneda libremente convertible y al tipo de cambio de mercado aplicable en la fecha de la transferencia.

ARTÍCULO 8
APLICACIÓN DE OTRAS DISPOSICIONES

1. Si la legislación de cualquiera de las Partes Contratantes o las obligaciones dimanantes del derecho internacional, ya existentes o que surjan posteriormente entre las Partes Contratantes además del presente Acuerdo, contienen normas, ya sean generales o específicas, en virtud de las cuales deba concederse a las inversiones realizadas por inversores de la otra Parte Contratante un tratamiento más favorable que el previsto en el presente

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Acuerdo, dichas normas prevalecerán sobre el presente Acuerdo en la medida en que sean más favorables.

2. Las condiciones más favorables que las del presente Acuerdo que una de las Partes Contratantes haya convenido con inversores de la otra Parte Contratante no se verán afectadas por el presente Acuerdo.

3. Nada de lo dispuesto en el presente Acuerdo afectará a las disposiciones establecidas mediante acuerdos internacionales relativos a derechos de propiedad intelectual e industrial vigentes en la fecha de su firma.

ARTÍCULO 9
SUBROGACIÓN

En caso de que una Parte Contratante o su organismo designado realice un pago en virtud de un acuerdo de indemnización o garantía o de un contrato de seguro contra riesgos no comerciales otorgado en relación con una inversión efectuada por alguno de sus inversores en el territorio de la otra Parte Contratante, esta última reconocerá la cesión de cualquier derecho o crédito de dicho inversor a la primera Parte Contratante o a su organismo designado y el derecho de la primera Parte Contratante o de su organismo designado a ejercer, por subrogación, dicho derecho o crédito con el mismo alcance que su predecesor en el título. Esta subrogación hará posible que la primera Parte Contratante o su organismo designado sea beneficiario directo de cualquier pago en concepto de indemnización u otra compensación a que pueda tener derecho el inversor.

ARTÍCULO 10
SOLUCIÓN DE CONTROVERSIAS ENTRE LAS PARTES CONTRATANTES

1. Cualquier controversia entre las Partes Contratantes referente a la interpretación o aplicación del presente Acuerdo será resuelta en la medida de lo posible por conducto diplomático.

2. Si la controversia no pudiera resolverse de ese modo en el plazo de seis meses desde el inicio de las negociaciones, será sometida, a petición de cualquiera de las dos Partes Contratantes, a un tribunal arbitral.

3. El tribunal arbitral se constituirá del siguiente modo: cada Parte Contratante designará un árbitro y esos dos árbitros elegirán como presidente a un nacional de un tercer país. Los árbitros serán nombrados en un plazo de tres meses y el presidente en un plazo de cinco meses a partir de

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

la fecha en que cualquiera de las dos Partes Contratantes haya informado a la otra Parte Contratante de su intención de someter la controversia a un tribunal arbitral.

4. Si no se hubieran hecho las designaciones necesarias en los plazos fijados en el apartado 3 del presente artículo, cualquier Parte Contratante podrá, a falta de cualquier otro acuerdo, instar al Presidente de la Corte Internacional de Justicia a que realice las designaciones necesarias. Si el Presidente fuera nacional de alguna de las Partes Contratantes o no pudiera desempeñar dicha función por otras razones, se instará al Vicepresidente a que efectúe las designaciones necesarias. Si el Vicepresidente fuera nacional de una de las Partes Contratantes o tampoco pudiera desempeñar dicha función, se instará a efectuar las designaciones necesarias al miembro de la Corte Internacional de Justicia que le siga en antigüedad, que no sea nacional de ninguna de las Partes Contratantes.

5. El tribunal arbitral emitirá su decisión basándose en las disposiciones contenidas en el presente Acuerdo, así en como los principios generalmente aceptados del derecho internacional.

6. A menos que las Partes Contratantes decidan otra cosa, el tribunal arbitral establecerá su propio procedimiento.

7. El tribunal arbitral adoptará su decisión por mayoría de votos y dicha decisión será definitiva y vinculante para ambas Partes Contratantes.

8. Cada Parte Contratante correrá con los gastos de su propio árbitro y los relacionados con su representación en el procedimiento arbitral. Los demás gastos, incluidos los del presidente, serán sufragados a partes iguales por las dos Partes Contratantes.

ARTÍCULO 11
CONTROVERSIAS ENTRE UNA PARTE CONTRATANTE E INVERSORES DE LA OTRA PARTE CONTRATANTE

1. Las controversias que puedan surgir entre un inversor de una Parte Contratante y la otra Parte Contratante relativas a una obligación de esta última en virtud del presente Acuerdo con respecto a una inversión de dicho inversor serán notificadas por el inversor a la segunda Parte Contratante, en forma escrita. En la medida de lo posible, las partes interesadas se esforzarán por resolver dichas controversias de forma amistosa mediante negociaciones.

2. Si estas controversias no pudieran resolverse de forma amistosa en un

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

plazo de seis meses a partir de la fecha de la notificación escrita mencionada en el apartado 1, podrán someterse, a elección del inversor:

- al tribunal competente de la Parte Contratante en cuyo territorio se haya efectuado la inversión; o

- a un tribunal de arbitraje ad hoc establecido según el Reglamento de Arbitraje de la Comisión de las Naciones Unidas para el Derecho Mercantil Internacional (UNCITRAL); o

- al Centro Internacional de Arreglo de Diferencias Relativas a Inversiones (CIADI) establecido en virtud del "Convenio sobre el arreglo de diferencias relativas a inversiones entre Estados y nacionales de otros Estados", abierto a la firma en Washington el 18 de marzo de 1965, en el caso de que ambas Partes Contratantes lleguen a ser miembros de dicho Convenio. Siempre que una Parte Contratante que sea parte en la controversia no haya llegado a ser Estado Contratante del Convenio antes mencionado, la controversia se resolverá de conformidad con las normas del Mecanismo Complementario para la Administración de los Procedimientos de Conciliación, Arbitraje y de Determinación de Hechos del CIADI.

3. El arbitraje se basará en las disposiciones del presente Acuerdo, en el derecho nacional de la Parte Contratante en cuyo territorio se haya efectuado la inversión, incluidas las reglas relativas a los conflictos de leyes, y en las normas y principios generalmente aceptados del derecho internacional que sean de aplicación.

4. Una Parte Contratante no podrá alegar como excepción que el inversor ha recibido o va a recibir, en virtud de una garantía o de un contrato de seguro, una indemnización u otra compensación por la totalidad o una parte de los daños en cuestión.

5. Las decisiones arbitrales serán definitivas y vinculantes para las partes en la controversia. Cada Parte Contratante se compromete a ejecutar las decisiones de conformidad con su legislación nacional.

ARTÍCULO 12
ÁMBITO DE APLICACIÓN

El presente Acuerdo será aplicable a las inversiones realizadas tanto antes como después de su entrada en vigor por inversores de cualquiera de las Partes Contratantes en el territorio de la otra Parte Contratante.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

ARTÍCULO 13
ENTRADA EN VIGOR, DURACIÓN Y TERMINACIÓN

1. El presente Acuerdo entrará en vigor en la fecha en que las Partes Contratantes se hayan notificado mutuamente el cumplimiento de las formalidades constitucionales respectivas exigidas para la entrada en vigor de acuerdos internacionales.

2. El presente Acuerdo permanecerá en vigor por un período inicial de diez años. Después de la expiración del periodo inicial de diez años, continuará en vigor indefinidamente a menos que cualquiera de las Partes Contratantes notifique a la otra Parte Contratante por escrito su decisión de denunciar el presente Acuerdo. La notificación de denuncia entrará en vigor transcurrido un año a partir de la fecha de dicha notificación.

3. Con respecto a las inversiones efectuadas antes de la fecha de terminación del presente Acuerdo, las disposiciones de los artículos 1 a 12 seguirán en vigor por otro período de diez años a partir de la fecha de terminación del presente Acuerdo.

EN FE DE LO CUAL, los plenipotenciarios respectivos firman el presente Acuerdo.

HECHO por duplicado en Hanoi, el 20 de febrero de 2006, en vietnamita, español e inglés, siendo todos los textos igualmente auténticos. En caso de divergencia en la interpretación, prevalecerá el texto inglés.

POR EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIETNAM	POR EL GOBIERNO DEL REINO DE ESPAÑA
Vo Hong Phuc	**Pedro Mejía Gómez**
Ministro	**Secretario de Estado**
de Planificacion e Inversiones	**de Turismo y Comercio**

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

AGREEMENT
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
AND
THE KINGDOM OF SPAIN
ON THE PROMOTION AND RECIPROCAL PROTECTION OF INVESTMENTS

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Spain, hereinafter referred to as "the Contracting Parties",

Desiring to intensify economic co-operation for the mutual benefit of both States,

Intending to create favourable conditions for investments made by investors of each Contracting Party in the territory of the other Contracting Party,

and

Recognizing that the promotion and protection of investments under this Agreement will stimulate initiatives in this field,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
DEFINITIONS

For the purposes of this Agreement,

1. The term "investment" means every kind of asset invested by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in accordance with the laws and regulations of the latter Contracting Party and in particular, though not exclusively, includes:

a) movable and immovable property and any other property rights such as mortgages, liens, pledges and similar rights;

b) shares in and stocks and debentures of a company or any other form of participation in a company or business enterprise;

c) claims to money or to any performance under contract having economic value and associated with an investment;

d) intellectual and industrial property rights; technical processes, know-how and goodwill;

e) rights to undertake economic and commercial activities conferred by law or under contract, including concessions to search for, cultivate, extract or exploit natural resources.

Investments made in the territory of one Contracting Party by any company of that same Contracting Party which is actually owned or controlled by investors of the other Contracting Party shall likewise be considered as investments of investors of the latter Contracting Party if they have been made in accordance with the laws and regulations of the former Contracting Party.

Any alteration of the form in which assets are invested or reinvested shall not affect their character as investments.

2. The term "investor" means any national or any company of either Contracting Party who makes investments in the territory of the other Contracting Party:

a) the term "national" means physical persons who, according to the law of that Contracting Party, are considered to be its nationals.

b) the term "company" means juridical persons or any other legal entity constituted or otherwise duly organized under the applicable law of that Contracting Party and having its seat in the territory of that same Contracting Party, such as corporations, partnerships or business associations.

3. The term "returns" means the amounts yielded by an investment and includes, in particular although not exclusively, profit, dividends, interest, capital gains, royalties and fees.

4. The term "territory" means the land territory, the internal waters, the territorial sea and the airspace above them, as well as the exclusive economic zone and the continental shelf that extend outside the limits of the territorial sea of each of the Contracting Parties over which they have jurisdiction and/or sovereign rights in accordance with international law.

ARTICLE 2
PROMOTION AND ADMISSION OF INVESTMENTS

1. Each Contracting Party shall in its territory promote, as far as possible, investments by investors of the other Contracting Party. Each Contracting Party shall admit such investments in accordance with its laws and regulations.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. When a Contracting Party shall have admitted an investment in its territory, it shall, in accordance with its laws and regulations, grant the necessary permits in connection with such an investment and with the carrying out of licensing agreements and contracts for technical, commercial or administrative assistance.

ARTICLE 3
PROTECTION

1. Investments made by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party shall be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection and security in accordance with international law.

2. Neither Contracting Party shall in any way impair by unreasonable or discriminatory measures the management, maintenance, use, enjoyment or disposal of such investments. Each Contracting Party shall observe any obligation it may have entered into in writing with regard to investments of investors of the other Contracting Party.

ARTICLE 4
NATIONAL TREATMENT AND MOST FAVOURED NATION TREATMENT

1. Each Contracting Party shall in its territory accord to investments made by investors of the other Contracting Party treatment no less favourable than that which it accords to the investments made by investors of any third State.

2. Each Contracting Party shall in its territory accord to investors of the other Contracting Party, as regards their management, maintenance, use, enjoyment or disposal of their investments, treatment no less favourable than that which it accords to investors of any third State.

3. Each Contracting Party shall in its territory accord, in accordance with its applicable laws and regulations, treatment to the investments of investors of the other Contracting Party as it accords to the investments of its own investors.

4. The treatment granted under paragraphs 1, 2 and 3 of this Article shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party and their investments the benefit of any treatment, preference or privilege resulting from:

a) its membership of, or association with, any existing or future free trade area, customs, economic or monetary union or other similar

international agreements including other forms of regional economic organisation, or

b) any international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation or any domestic legislation relating wholly or mainly to taxation.

5. For greater certainty, the Contracting Parties consider that provisions of this Article shall be without prejudice to the right of either Contracting Party to apply a different tax treatment to different taxpayers with regard to their tax residence.

ARTICLE 5
EXPROPRIATION

1. Investments of investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party shall not be nationalized, expropriated or subjected to measures having equivalent effect to nationalization or expropriation (hereinafter referred to as "expropriation") except for public interest, in accordance with due process of law, on a non-discriminatory basis and against the payment of prompt, adequate and effective compensation.

2. Such compensation shall amount to the market value of the expropriated investment immediately before the expropriation or before the impending expropriation became publicly known, whichever is earlier (hereinafter referred to as the "valuation date").

3. Such market value shall be expressed in a freely convertible currency at the market rate of exchange prevailing for that currency on the valuation date. Compensation shall include interest at a commercial rate established on a market basis for the currency of valuation from the date of expropriation until the date of payment. Compensation shall be paid without delay, be effectively realizable and freely transferable.

4. The investor affected shall have the right, under the law of the Contracting Party making the expropriation, to prompt review, by a judicial authority or other competent and independent authority of that Contracting Party, of its case, including the valuation of its investment and the payment of compensation, in accordance with the principles set out in this Article.

5. Where a Contracting Party expropriates the assets of a company which is incorporated or constituted under the law in force in any part of its own territory, and in which investors of the other Contracting Party own shares, it shall ensure that the provisions of this Article are applied so as to guarantee prompt, adequate and effective compensation in respect of their investments to such investors of the other Contracting party who are owners of those shares.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

ARTICLE 6
COMPENSATION FOR LOSSES

1. Investors of one Contracting Party whose investments in the territory of the other Contracting Party suffer losses owing to war or to other armed conflict, state of national emergency, revolution, insurrection, civil disturbance or any other similar event, shall be accorded by the latter Contracting Party, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, treatment no less favourable than that which the latter Contracting Party accords to its own investors or to investors of any third State whichever is more favourable to the investor concerned. Resulting payments shall be freely transferable.

2. Notwithstanding paragraph 1), an investor of one Contracting Party who, in any of the situations referred to in that paragraph, suffers a loss in the territory of the other Contracting Party resulting from:

a) requisitioning of its investment or part thereof by the latter's forces or authorities; or

b) destruction of its investment or part thereof by the latter's forces or authorities, which was not required by the necessity of the situation,

shall be accorded by the latter Contracting Party restitution or compensation which in either case shall be prompt, adequate and effective. Resulting payments shall be made without delay and be freely transferable.

ARTICLE 7
TRANSFERS

1. Each Contracting Party shall guarantee to investors of the other Contracting Party the free transfer of all payments relating to their investments. Such transfers shall include, in particular, though not exclusively:

a) the initial capital and additional amounts to maintain or increase the investment;
b) investment returns, as defined in Article 1;
c) funds in repayment of loans related to an investment;
d) compensations provided for under Articles 5 and 6;
e) proceeds from the total or partial sale or liquidation of an investment;
f) earnings and other remuneration of personnel engaged from abroad in connection with an investment;
g) payments arising out of the settlement of a dispute.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Transfers under the present Agreement shall be made without delay in a freely convertible currency at the market rate of exchange applicable on the date of transfer.

ARTICLE 8
APPLICATION OF OTHER PROVISIONS

1. If the legislation of either Contracting Party or obligations under international law existing at present or established hereafter between the Contracting Parties in addition to this Agreement contain a regulation, whether general or specific, entitling investments by investors of the other Contracting Party to a treatment more favourable than that provided for by this Agreement, such regulation shall, to the extent that it is more favourable, prevail over this Agreement.

2. More favourable terms than those of this Agreement which have been agreed to by one of the Contracting Parties with investors of the other Contracting Party shall not be affected by this Agreement.

3. Nothing in this Agreement shall affect the provisions established by international agreements relating to intellectual and industrial property rights in force at the date of its signature.

ARTICLE 9
SUBROGATION

If one Contracting Party or its designated Agency makes a payment under an indemnity, guarantee or contract of insurance against non-commercial risks given in respect of an investment made by any of its investors in the territory of the other Contracting Party, the latter Contracting Party shall recognize the assignment of any right or claim of such investor to the former Contracting Party or its designated Agency and the right of the former Contracting Party or its designated Agency to exercise, by virtue of subrogation, any such right and claim to the same extent as its predecessor in title. This subrogation will make it possible for the former Contracting Party or its designated Agency to be the direct beneficiary of any payment for indemnification or other compensation to which the investor could be entitled.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

ARTICLE 10
SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN THE CONTRACTING PARTIES

1. Any dispute between the Contracting Parties concerning the interpretation or application of this Agreement shall as far as possible be settled through diplomatic channels.

2. If it were not possible to settle the dispute in this way within six months from the start of the negotiations, it shall be submitted, at the request of either Contracting Party, to an arbitral tribunal.

3. The arbitral tribunal shall be set up in the following way: each Contracting Party shall appoint one arbitrator and these two arbitrators shall elect a national of a third country as Chairman. The arbitrators shall be appointed within three months and the Chairman within five months from the date on which either of the two Contracting Parties informed the other Contracting Party of its intention to submit the dispute to an arbitral tribunal.

4. If within the periods specified in paragraph 3 of this Article the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may, in the absence of any other agreement, invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointments. If the President is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President is a national of either Contracting Party or if he too is prevented from discharging the said function, the Member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

5. The arbitral tribunal shall issue its decision on the basis of the provisions contained in this Agreement as well as the generally accepted principles of international law.

6. Unless the Contracting Parties decide otherwise, the arbitral tribunal shall lay down its own procedure.

7. The arbitral tribunal shall reach its decision by a majority of votes and that decision shall be final and binding on both Contracting Parties.

8. Each Contracting Party shall bear the expenses of its own arbitrator and those connected with representing it in the arbitration proceedings. The other expenses, including those of the Chairman, shall be borne in equal parts by the two Contracting Parties.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

ARTICLE 11
DISPUTES BETWEEN A CONTRACTING PARTY AND AN INVESTOR OF THE OTHER CONTRACTING PARTY

1. Disputes between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party concerning an obligation of the latter under this Agreement with regard to an investment of that investor, shall be notified in writing by the investor to the latter Contracting Party. As far as possible, the parties concerned shall endeavour to settle these disputes amicably through negotiations.

2. If these disputes cannot be settled amicably within six months from the date of the written notification mentioned in paragraph 1, the dispute may be submitted, at the choice of the investor, to:

- the competent court of the Contracting Party in whose territory the investment was made; or
- an ad hoc tribunal of arbitration established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL); or
- the International Centre for Settlement of Investment Disputes (ICSID) set up by the "Convention on Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States", opened for signature at Washington on 18th March 1965, in case both Contracting Parties become members of this Convention. If a Contracting Party which is party in the dispute has not become a Contracting State of the Convention mentioned above, the dispute shall be dealt with pursuant to the rules of the Additional Facility for the Administration of Conciliation, Arbitration and Fact-Finding Proceedings of the ICSID.

3. The arbitration shall be based on the provisions of this Agreement, the national law of the Contracting Party in whose territory the investment was made, including the rules relative to conflicts of law, and the rules and generally accepted principles of international law as may be applicable.

4. A Contracting Party shall not assert as a defence that indemnification or other compensation for all or part of the alleged damages has been received or will be received by the investor pursuant to a guarantee or insurance contract.

5. The arbitration decisions shall be final and binding on the parties in the dispute. Each Contracting Party undertakes to execute the decisions in accordance with its national law.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

ARTICLE 12
SCOPE OF APPLICATION

This Agreement shall be applicable to investments made before or after its entry into force by investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party.

ARTICLE 13
ENTRY INTO FORCE, DURATION AND TERMINATION

1. This Agreement shall enter into force on the date on which the Contracting Parties shall have notified each other that their respective constitutional formalities required for the entry into force of international agreements have been completed.

2. This Agreement shall remain in force for an initial period of ten years. After the expiration of the initial period of ten years, it shall continue in force indefinitely unless either Contracting Party notifies the other Contracting Party in writing of its decision to terminate this Agreement. The notice of termination shall become effective one year after the date of that notification.

3. In respect of investments made prior to the date of termination of this Agreement, the provisions of Articles 1 to 12 shall remain in force for a further period of ten years from the date of termination of this Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the respective plenipotentiaries have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Hanoi, this 20th day of February, 2006 in the Spanish, Vietnamese and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF SPAIN
Vo Hong Phuc **Minister** **of Planning and Investment**	**Pedro Mejía Gómez** **Secretary of State** **of Tourism and Commerce**

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao